TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 21 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N**,** sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa,

Bị đơn: Hà Văn Q, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị N và anh Hà Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị N và anh Hà Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Ngô Thị N và anh Hà Văn Q có 01 (một) con chung là Hà Tuệ N, sinh ngày 09/4/2017.

Anh Hà Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Tuệ N; Chị Ngô Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ *(một triệu đồng)* tính từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Ngô Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và công nợ: Chị Ngô Thị N và anh Hà Văn Q không có gì, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, ngoài ra chị Ngô Thị N còn phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung; tổng cộng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007270 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến